Đặc điểm của ngôn ngữ lập trình Java

\*Độc lập nền tảng, hướng đối tượng, bảo mật

Không hỗ trợ lập trình đa luồng

Hướng thủ tục

Tập tin mã nguồn (source code) của Java có phần mở rộng là gì?

.class

.com

\*.java

.h

Chọn các phát biểu sai về cơ chế quản lý bộ nhớ của Java:

\*Dynamic heap chứa các định nghĩa class, dữ liệu của các đối tượng, code chương trình

Static heap chứa các định nghĩa class, code chương trình.

\*Static heap chứa các định nghĩa class, dữ liệu của các đối tượng, code chương trình

\*Dynamic heap chứa các định nghĩa class, code chương trình.

Chọn các phát biểu đúng về cơ chế quản lý bộ nhớ của Java:

Dynamic heap chứa các định nghĩa class, dữ liệu của các đối tượng, code chương trình

\*Static heap chứa các định nghĩa class, code chương trình.

Static heap chứa các định nghĩa class, dữ liệu của các đối tượng, code chương trình

Dynamic heap chứa các định nghĩa class, code chương trình.

Chọn các phát biểu sai dưới đây:

\*Máy ảo không tự động thu hồi bộ nhớ đối với những đối tượng không dùng đến đối tượng nữa.

Các đối tượng được cấp phát động, ta không cần chủ động trả bộ nhớ khi không dùng đến đối tượng nữa.

\*Các đối tượng trong Java được cấp phát động nên ta cần chủ động trả bộ nhớ khi không dùng đến đối tượng nữa.

Chọn các phát biểu đúng dưới đây:

Máy ảo không tự động thu hồi bộ nhớ đối với những đối tượng không dùng đến đối tượng nữa.

\*Các đối tượng được cấp phát động, ta không cần chủ động trả bộ nhớ khi không dùng đến đối tượng nữa.

Các đối tượng trong Java được cấp phát động nên ta cần chủ động trả bộ nhớ khi không dùng đến đối tượng nữa.

Java độc lập nền tảng (platform) là do:

Mỗi nhà cung cấp hệ điều hành tạo ra các cách riêng để chạy ứng dụng Java

\*File.class có cấu trúc độc lập với flatform

\*Mỗi platform có một trình Java.exe riêng để thông dịch file.class.

Trong Java sử dụng cú pháp nào sau đây để tạo chú thích trên 1 dòng?

/\*\* nội dung chú thích \*/

\*// nội dung chú thích

&lt;!-- nội dung chú thích --&gt;

## nội dung chú thích

Kiểu dữ liệu nào sau đây dùng để biểu diễn số nguyên trong Java?

double

boolean

float

\*int

Giá trị mặc định của kiểu dữ liệu String là gì?

\*null

0

&quot;&quot;

false

Lựa chọn đáp án đúng sau khi thực thi đoạn mã sau: int x =0; int a = 6, int b = 7;x = a++ + b++;

\*x = 13, a = 7, b = 8

x = 15, a = 6, b = 7

x = 15, a = 7, b = 8

x = 13, a = 6, b = 7

Từ khóa nào sau đây dùng để khai báo biến của lớp?

for

break

final

\*static

Từ khóa nào sau đây dùng để khai báo hằng số?

private

public

static

\*final

Lựa chọn nào dưới đây cho phép nhận nội dung người dùng nhập từ màn hình console?

\*System.in

System.out

System.err

System.input

Câu lệnh trong Java kết thúc bởi?

;;

,

\*;

.

Với ngôn ngữ Java lệnh nào sau đây dùng để chạy file .class?

applet

\*java

javac

javax

Hãy lựa chọn những dòng khai báo biến hợp lệ trong Java.

int \*divide;

int %percent;

int #dim;

int 123;

\*int $x;

\*int \_123;

\*int central\_sales\_region\_Summer\_2005\_gross\_sales;

Lựa chọn thứ tự tăng dần về độ lớn của các kiểu dữ liệu số nguyên trong Java:

short int long byte

long int short byte

\*byte short int long

int long short byte

Để chạy được ứng dụng Java thì cần hàm main nào dưới đây?

\*public static void main(String[] args) {...}

public static void main(double[] args) {...}

public static void main(int[] args) {...}

public static void main(boolean[] args) {...}

Để sử dụng phép chia lấy dư ta sử dụng ký tự nào sau đây?

/

\

div

\*%

Để sử dụng được dấu gạch chéo \ trong một chuỗi Java ta dùng ký tự đặc biệt.

\*\\

~\

\

‘\

Ý nghĩa của lệnh: x+=y;

x=x+x+y

\*x=x+y

x=y

x=y+y

Khai báo mảng 2 chiều nào dưới đây không bị lỗi biên dịch?

int array[5][];

int[3] array[3] = new int[3][3];

int[] array [] = [3][3];

\*String array[][] = new String[3][3];

Khai báo chuỗi nào dưới đây đúng cú pháp?

\*String alpha = &quot;Hello Quiz!&quot;;

String = &quot;Hello Quiz!&quot;;

String alpha = new &quot;Hello Quiz!&quot;;

String alpha(&quot;Hello Quiz!&quot;) ;

Khai báo mảng 1 chiều nào dưới đây không bị lỗi biên dịch?

int[] array = new int[];

int array[5];

int[5] array = new int[5];

\*int array[];

Kết quả thực thi đoạn code sau là gì?

x = 10, y =10

\*x = 12, y =10

x = 12, y =11

x = 10, y =11

Kết quả sau khi chạy đoạn code dưới đây là gì?

\*3-345

12-12

12-345

3-12

câu lệnh nào sau đây có thể in ra màn hình kích thước (độ dài) của mảng một chiều int[] array: \*

System.out.println(array.size);

System.out.println(array.capacity);

System.out.println(array.length());

\*System.out.println(array.length);

Hãy chọn phát biểu sai trong các phát biểu sau?

\*Mảng là cấu trúc tuần tự, có kích thước không cố định

Mảng cho phép chứa các phần tử có cùng kiểu dữ liệu

Mảng có nhiều loại mảng một chiều, hai chiều, đa chiều

Mảng có tính chỉ mục (cho phép truy xuất theo vị trí)

Phát biểu nào sau đây chèn vào dòng 4 để kết quả in ra là 12?

int y = 12

int y = 10;

\*int y = 11;

int y = x;

Kết quả thực thi đoạn code bên dưới sẽ là?

5 2

\*8 2

8 1

5 3

Kết quả thực thi đoạn code bên dưới sẽ là?

beta

alpha beta

alpha

\*Không in ra gì hết

Phương thức method() sẽ thực thi bao nhiêu lần?

Vô tận

10

1

\*0

Kết quả thực thi đoạn code bên dưới là gì?

done

\*one two three two three done

Lỗi biên dịch

one two three done

Kết quả thực thi đoạn code bên dưới là gì?

\*pi=3 pi&gt;3

pi&gt;3

pi&lt;3

pi=3

Kết quả thực thi đoạn code bên dưới là gì?

\*Ngoại lệ trong lúc chạy chương trình

5

6

Lỗi biên dịch

Kết quả thực thi đoạn code bên dưới là gì?

\*Chương trình chạy bình thường nhưng không in ra gì cả

x=3

In ra x=1

Lỗi biên dịch

Kết quả thực thi đoạn code bên dưới là gì?

In ra màn hình f2[0]=NaN

\*In ra màn hình f2[0]=0

In ra màn hình f2[0]=null

Lỗi biên dịch

Kết quả thực thi đoạn code bên dưới là gì?

\*i=1 va j=4

i=0 va j=4

i=4 va j=0

i=5 va j=0

Kết quả thực thi đoạn code bên dưới là gì?

\*9 6

6 9

Lỗi biên dịch

9 6 3

Kết quả thực thi đoạn code bên dưới là gì?

\*9 foo425 86foo

72 foo47 4244foo

9 foo425 4244foo

72 foo47 86foo

9 foo47 4244foo

9 foo47 86foo

72 foo425 86foo

72 foo425 4244foo

Phát biểu nào sau đây không đúng về lớp và đối tượng?

Lớp (class) được xem như là một khuôn mẫu (template) để tạo các đối tượng

\*Lớp được xem là một thể hiện (instance) của đối tượng

Lớp bao gồm các thuộc tính, phương thức mà đối tượng có thể có

Đối tượng được xem là một thể hiện (instance) của lớp

Phát biểu nào dưới đây không đúng về từ khóa private và public?

private thường được dùng cho các thuộc tính của lớp, public thường được dùng cho các phương thức để bên ngoài sử dụng

\*Thuộc tính, phương thức có phạm vi truy xuất private có thể được gọi ở bất kỳ nơi nào trong chương trình

public có phạm vi truy xuất rộng hơn private

Thuộc tính, phương thức có phạm vi truy xuất public có thể được gọi ở bất kỳ nơi nào trong chương trình

Java hỗ trợ kiểu truyền tham đối nào sau đây?

\*Truyền tham chiếu

Chỉ hỗ trợ truyền tham chiếu

Chỉ hỗ trợ truyền tham trị

\*Truyền tham trị

\*Truyền tham chiếu, truyền tham trị

Phát biểu nào sau đây không đúng về phương thức abstract?

\*Là phương thức được khai báo với từ khóa final abstract

Là phương thức đặt trong lớp abstract

\*Là phương thức được khai báo với từ khóa static abstract

\*Lớp không abstract có thể có phương thức abstract

Phát biểu nào sau đây đúng về phương thức abstract?

Là phương thức được khai báo với từ khóa final abstract

\*Là phương thức đặt trong lớp abstract

Là phương thức được khai báo với từ khóa static abstract

Lớp không abstract có thể có phương thức abstract

Phát biểu nào dưới đây đúng về lớp trừu tượng (abstract class)?

Bắt buộc phải có phương thức trừ tượng

\*Là lớp có thể có phương thức trừu tượng và phương thức không trừu tượng

Là lớp không có lớp con

\*Lớp không cho phép tạo đối tượng từ nó, mà chỉ có thể tạo đối tượng từ các lớp con không trừu tượng của nó

Từ khóa nào dưới đây có thể dùng để một lớp kế thừa các thuộc tính và phương thức của lớp khác?

implements

\*extends

static

final

Java hỗ trợ loại kế thừa nào sau đây?

\*Kế thừa đơn

Không hỗ trợ bất kỳ loại kế thừa nào cả

Kế thừa kép

Đa kế thừa

Phát biểu nào dưới đây dùng để khai báo lớp abstract?

public class Canine { public abstract Bark speak(); }

public class Canine abstract { public abstract Bark speak(); }

public abstract class Canine { public Bark speak(); }

\*public abstract class Canine { public Bark speak() { ... } }

Phát biểu nào dưới đây không đúng về hàm dựng (constructor)?

Constructor dùng để tạo đối tượng

Không có kiểu trả về

Có tên trùng với tên lớp

\*Không cần thiết trùng tên với tên lớp

Phát biểu nào dưới đây đúng về phương thức static?

Phương thức chỉ hỗ trợ kiểu trả về là void

\*Phương thức của lớp, không phải phương thức của đối tượng

Phương thức trừu tượng, các lớp con phải viết lại (override) khi kế thừa

\*Có thể được truy xuất thông qua tên lớp

Đối tượng được tạo ra như thế nào?

\*Thông qua constructor của lớp

Thông qua phương thức static của lớp

Thông qua hàm main của lớp

Thông qua phương thức final của lớp

Khi tham số có nhận vào đối tượng của một lớp thì:

\*Các thay đổi thông qua phương thức set (thay đổi giá trị các thuộc tính của đối tượng) sẽ ảnh hưởng ra ngoài khi thực hiện xong phương thức

Các thay đổi thông qua phương thức set sẽ không thay đổi lên đối tượng khi thực hiện xong phương thức

Các thay đổi thông qua phương thức set, thao tác gán không có ảnh hưởng gì đến đối tượng

\*Các thay đổi thông qua thao tác gán (=) không có tác dụng thay đổi đối tượng khi thực hiện xong phương thức

Lớp final là lớp?

Chỉ hỗ trợ các phương thức static

\*Không có lớp con

Không có lớp nào được gắn với từ khóa final

Giống như lớp abstract, nhưng chỉ cho phép tối đa 1 lớp con

Phát biểu nào sau đây đúng về phương thức trừu tượng (abstract):

\*Là phương thức được khai báo với từ khóa abstract và không có nội dung (body)

Là bất kỳ phương thức nào nằm trong lớp abstract

Là phương thức không cho phép kế thừa ở lớp con

Là phương thức ở lớp con, kế thừa từ phương thức ở lớp cha

Lớp không abstract có thể có phương thức abstract hay không?

\*Không -- nếu một lớp có phương thức abstract thì lớp đó phải là abstract.

Có -- không có qui định nào về lớp abstract phải định nghĩa ở lớp abstract hay lớp bình thường.

Có -- phương thức abstract có thể định nghĩa ở lớp bình thường hoặc lớp abstract.

Không -- không có tồn tại phương thức abstract, chỉ có phương thức bình thường.

Khai báo nào dưới đây để lớp B kế thừa lớp A?

class B implements A {...}

\*class B extends A {...}

class B static B {...}

class B imports A {...}

Phát biểu nào có thể chèn được vào dòng 9?

(Y) x2. do2( );

X.x2.do2();

\*((Y)x2).do2();

x2.do2( );

Che giấu thông tin có thể được thực hiện bằng cách?

Sử dụng từ khóa static cho các thuộc tính

\*Sử dụng private đối với các thuộc tính, chỉ cho phép người dùng truy xuất thông qua các phương thức

Sử dụng từ khóa public cho các thuộc tính

Sử dụngtừ khóa final cho các thuộc tính

Cho 2 lớp Square và Point như hình bên dưới. Phát biểu nào sau đây không đúng?

Phương thức area() là phương thức của đối tượng và được gọi khi đã có đối tượng được tạo từ lớp Square

Lớp Square là một lớp con của Shape

\*Phương thức area() là phương thức của lớp Square và được truy xuất với cú pháp Square.area()

\*Lớp Square là một lớp trừu tượng

Lớp Arrays trong gói java.utils là lớp?

Cung cấp các phương thức static cho các thao tác trên đối tượng người dùng định nghĩa ra

\*Cung cấp các phương thức static cho các thao tác trên mảng 2 chiều

Cung cấp các phương thức static cho các thao tác trên cấu trúc tập hợp (Set)

\*Cung cấp các phương thức static cho các thao tác trên mảng 1 chiều

Kết quả thực thi đoạn code dưới đây là gì

\*Clidlet

Clidder

Clidder Clidlet

Lỗi biên dịch

Kết quả thực thi đoạn code dưới đây là gì?

CongngheJava–UTC

Cong Nghe Java – UTC

\*Cong nghe Java – UTC

Lớp con không thể override phương thức nào trên lớp cha?

Phương thức có phạm vi truy xuất mặc định

Phương thức có từ khóa protected

Phương thức có từ khóa public

\*Phương thức có từ khóa final

Khi sử dụng lớp Student trong gói model.uni ở lớp khác cùng gói model.uni thì cần thêm dòng lệnh nào sau đây?

\*import model.uni.\*;

Không cần sử dụng import

import java.model.uni

\*import model.uni.Student;

Phát biểu nào sau đây đúng về class và interface?

\*Một lớp chỉ được kế thừa 1 lớp khác và hiện thực nhiều interface

Một lớp chỉ được phép hiện thực tối đa 1 interface

Một lớp có thể kế thừa nhiều interface và hiện thực nhiều lớp khác

Một lớp có thể kế thừa nhiều interface

Cho đoạn code sau:

Lỗi biên dịch tại khai báo phương thức f3()

Lỗi biên dịch tại khai báo phương thức f2()

Lỗi biên dịch tại khai báo phương thức f1()

\*Lỗi biên dịch tại khai báo phương thức f4()

Cho đoạn code sau:

Book Test

Test

Book Static Test

\*Static Test

Phát biểu nào sau đây không đúng về chuỗi trong Java?

\*String khả biến, và hỗ trợ đơn tiến trình

StringBufffer khả biến và hỗ trợ đa tiến trình

StringBuffer và StringBuilder hỗ trợ đa tiến trình

StringBuilder khả biến và hỗ trợ đa tiến trình

Phát biểu nào sau đây không đúng về interface?

Có thể có thuộc tính, hằng số, và khai báo phương thức

Cho phép viết nội dung phương thức bên cạnh các khai báo phương thức

\*Chỉ cho phép định nghĩa hằng số và khai báo phương thức

Chỉ hỗ trợ khai báo phương thức

Kết quả thực thi đoạn code dưới đây là gì?

\*Lỗi biên dịch

1

Ngoại lệ xảy ra trong lúc chạy chương trình

2

Phát biểu nào sau đây không đúng về constructor?

Constructor mặc định (không tham số) sẽ mất đi khi lớp có constructor có tham số

\*Mỗi constructor trong Java chỉ hỗ trợ đến 10 tham số

Có thể sử dụng constructor không tham số bên cạnh các constructor có tham số

\*Java chỉ hỗ trợ constructor có tham số

Khi 1 lớp hiện thực (implements) một interface thì?

Lớp đó (không phải là lớp abstract) sẽ hiện thực một số phương thức và lớp con (không abstract) sẽ hiện thực các phương thức còn lại

Lớp đó chỉ cần hiện thực interface mà không cần override lại bất kỳ phương thức nào cả vì phương thức đã được viết trên interface

\*Lớp đó sẽ phải hiện thực tất cả các phương thức đã khai báo ở interface (nếu lớp không abstract)

Lớp chỉ hiện thực lớp abstract và kế thừa interface

Từ khóa package khai báo đặt ở đâu trong code của 1 lớp?

Chỗ nào cũng được trong định nghĩa lớp

Sau lệnh import các lớp cần thiết

\*Dòng đầu tiên

Không cần khai báo

Kết quả thực thi đoạn code dưới đây là gì?

6

\*9

7

8

Thứ tự phạm vi truy xuất nào sau đây hợp lệ?

protected - public - (mặc định) - private

public - (mặc định) - protected - private

(mặc định) - private - protected - public

\*private - (mặc định) - protected - public

Phát biểu nào sau đây không đúng về kế thừa?

\*Chỉ lớp không abstract mới hiện thực interface và kế thừa 1 lớp khác

Java hỗ trợ kế nhừa nhiều tầng?

Lớp abstract có thể kế thừa lớp abstract khác

Một lớp chỉ có thể kế thừa duy nhất 1 lớp abstract khác

Khi một lớp không abstract hiện thực interface Comparable thì lớp đó sẽ phải override phương thức nào sau đây?

public int compare(...) {...}

public boolean compareTo(...) {...}

public Object compare(...) {...}

\*public int compareTo(...) {...}

Khi sử dụng Arrays.sort(Student[] array) cho các đối tượng Student do người dùng tự định nghĩa thì:

Sẽ sắp xếp theo kết quả của phương thức compare(...) mà lớp Student override khi implements interface Comparator

Lỗi biên dịch

\*Sẽ sắp xếp theo kết quả của phương thức compareTo(...) mà lớp Student override khi implements interface Comparable

Mặc định sẽ xếp theo thứ tự tăng dần của các đối tượng Student

Kết quả thực thi đoạn code dưới đây là gì?

Chương trình chạy tốt, kết quả là ‘s[0]=’

\*Chương trình dịch tốt, chạy thông báo lỗi NullPointerException

Chương trình chạy tốt, kết quả là ‘s[0]=null’

Chương trình thông báo lỗi dịch tại dòng lệnh String s[] = new String[5];

Trong lớp A, thuộc tính age được khai báo với phạm vi là protected thì:

\*Trong lớp B, là lớp con của A (có cùng package với A) có thể truy xuất đến thuộc tính age

Lớp B (không có quan hệ lớp cha lớp con với A và khác package với A) có thể truy xuất đến thuộc tính age

\*Trong lớp A có thể truy xuất đến thuộc tính age

\*Lớp B (không có quan hệ lớp cha lớp con với A) trong cùng package với A có thể truy xuất được thuộc tính age

Cấu trúc dữ liệu nào không cho phép trùng lắp dữ liệu trong các cấu trúc:

Mảng

ArrayList

Linked List

\*Set

Kết quả thực thi đoạn code dưới đây là gì?

Chương trình không xuất bất kỳ nội dung nào ra màn hình.

\*Lỗi biên dịch

Chương trình chạy được nhưng không xuất bất kì nội dung gì ra màn hình

x = 42

Kết quả thực thi đoạn code dưới đây là gì?

[9, 0, 7, 2, 5, 11]

[10, 7, 9, 5]

[7, 9, 5, 11]

\*[10, 5, 9, 11]

Set không cho phép 2 phần tử trùng nhau, như vậy kết quả thực thi đoạn code dưới đây in ra màn hình nội dung gì?

\*3

1

2

Lỗi biên dịch

Để lập trình tương tác với các hệ quản trị cơ sở dữ liệu ta dùng gói thư viện:

\*java.sql

javax.sql

java.lang

java.io

Cho đoạn code bên dưới, ngoại lệ nào có thể xảy ra?

Lỗi chia cho 0 và lỗi không nhập liệu

Lỗi chia cho 0 và lỗi IO

Lỗi biên dịch

\*Lỗi chia cho 0 và lỗi nhập liệu không hợp lệ

TreeSet sử dụng phương thức nào dưới đây để xác định 2 phần tử trùng nhau? \*

1/1

hashCode()

main(...)

\*compareTo(...)

equals(...)

Interface nào sau đây không kế thừa interface Collection \*

1/1

Set

\*Map

Queue

List

Đối với câu query dạng SELECT thì thực hiện lệnh nào sau đây?

execute(...)

doUpdate(...)

\*executeQuery(...)

executeUpdate(...)

Kết quả thực thi của đoạn code dưới đây là gì?

[APPLE, apple, Apple]

\*[apple, Apple, APPLE]

Thứ tự ngẫu nhiêu của [APPLE, apple, Apple]

Để kiểm tra một ArrayList của các đối tượng Student có chứa 1 đối tượng Student nhận vào hay không, thì cần phải hiện thực phương thức nào sau đây?

\*equals(...)

compareTo(...)

compare(...)

hashCode()

Ngoại lệ nào xảy ra khi thực hiện lệnh Class.forName(...)?

\*ClassNotFoundException

SQLException

FileNotFoundException

NullPointerException

Cấu trúc dữ liệu nào sau đây sử dụng hàm băm (hashing) để xác định vị trí của phần tử thêm vào cấu trúc đó?

\*HashSet

ArrayList

Map

TreeSet

Phát biểu nào sau đây không đúng về Collections

Cung cấp các phương thức cho phép thao tác trên Collection

\*Cung cấp các phương thức cho mảng

\*Cung cấp các phương thức chung cho các cấu trúc Set, List, Queue

\*Cung cấp các phương thức cho cấu trúc Map

Mặc định phương thức createStatement sẽ tạo ra đối tượng ResultSet với đặc tính?

CONCUR\_UPDATABLE

TYPE\_SCROLL\_SENSITIVE

\*TYPE\_FORWARD\_ONLY

TYPE\_SCROLL\_INSENSITIVE

\*CONCUR\_READ\_ONLY

Đối tượng nào sau đây lưu trữ kết quả trả về của câu lệnh SELECT?

Statement

Connection

PreparedStatement

\*ResultSet

Ngoại lệ NullPointerException được tung ra khi nào?

Khi ta truy xuất một đối tượng String rỗng.

\*Khi ta truy xuất 1 đối tượng chưa khởi tạo.

Khi ta cố truy xuất một tập tin đã hết dữ liệu.

Khi ta truy xuất một đối tượng không được quyền truy cập.

Kết quả thực thi của đoạn code dưới đây là gì?

Lỗi ngoại lệ

{1=Mot, 2=Hai, 3=Ba}

\*{1=One, 2=Hai, 3=Ba}

Thứ tự ngẫu nhiên của {1=Mot, 2=Hai, 3=Ba}

HashSet sử dụng phương thức nào dưới đây để bảo đảm không có 2 phần tử giống nhau?

\*equals(...)

compareTo

compare

\*hashCode()

Nếu như chúng ta cần thống kê tên môn học và số lượng sinh viên đăng ký môn học và sắp xếp theo thứ tự alphabet của tên môn học, cấu trúc nào phù hợp với yêu cầu trên? \*

HashSet

HashMap

\*TreeMap

TreeSet

Lớp nào dưới đây không cùng loại với các lớp còn lại?

ByteArrayInputStream

BufferedInputStream

DataInputStream

ObjectInputStream

\*InputStreamReader

Để lập trình input và output trong Java, cần import gói nào sau đây?

java.lang

java.util

java.sql

\*java.io

Stream nào sau đây hỗ trợ đọc/ghi kiểu dữ liệu nguyên thủy?

\*DataInputStream/DataOutputStream

BufferedReader/BufferedWriter

FileInputStream/FileOutputStream

\*RandomAccessFile

Cho đoạn code như sau: File f = new File("db/io/w1"); f.mkdir(); Kết quả thực hiện đoạn code này là gì khi trong hệ thống chỉ có thư mục "db"

false - tạo được thư mục w1 trong db nhưng không tạo được thư mục io

true - tạo luôn cả thư mục io và w1

\*false - không tạo được vì thư mục cha của w1 là io không tồn tại

true - sẽ tạo thư mục w1 trong db bởi vì io không tồn tại

Dòng dữ liệu đọc được từ file bằng BufferedReader, có thể sử dụng cách nào sau đây để phân tích dòng ra thành từng phần nhỏ dựa vào ký tự phân cách?

Sử dụng StringAnalyzer

\*Phương thức split của đối tượng String

Sử dụng Iterator

\*Sử dụng StringTokenizer

Để đọc dữ liệu dưới dạng ký tự, hoặc mảng các ký tự, sử dụng stream nào dưới đây?

BufferedInputStream

DataInputStream

ObjectInputStream

\*BufferedReader

Stream nào sau đây đọc dữ liệu dưới dạng bytes sau đó chuyển dữ liệu sang dạng ký tự?

System.in

\*InputStreamReader

ObjectInputStream

BufferedReader

Khi lập trình IO trong Java, ngoại lệ nào sau đây có thể được tung ra?

NumberFormatException

ClassNotFoundException

\*IOException

\*FileNotFoundException

Để lấy kích thước của một tập tin file (java.io.File) ta sử dụng phương thức:

\*file.length();

file.listSize();

file.size();

file.getLength();

Lớp nào dưới đây không kế thừa InputStream?

\*RandomAccessFile

FileInputStream

DataInputStream

\*InputStreamReader

Phương thức delete() của đối tượng File được xóa trong trường hợp:

Tên file là một thư mục không rỗng

\*Tên file là một tập tin, tên file là một thư mục rỗng

Khi sử dụng đối tượng BufferedReader để đọc dữ liệu thông qua phương thức readLine(), nếu như không còn dữ liệu để đọc, phương thức readLine() sẽ trả về kết quả:

-1

Ngoại lệ

0

\*null

Giả sử mỗi lần chúng ta muốn đọc 1024 bytes từ file, tuy nhiên lần cuối cùng file chỉ chó 1020 bytes dữu liệu. Vậy phương thức read(byte[] array) của nhóm InputStream sẽ là gì?

2024

Ngoại lệ

\*1020

-1

Giả sử có đối tượng Book gồm có các thuộc tính: mã số (String), tiêu đề (String), giá (int), năm xuất bản (int); có thể sử dụng stream nào sau đây để lưu danh sách các quyển sách xuống tập tin?

DataArrayOutputStream

PrintWriter

PipedOutputStream

\*DataOutputStream

Chương trình sử dụng tạo đối tượng FileWriter với tên file là "newFile.txt". Nếu file này đã tồn tại trong hệ thống thì ?

File cũ vẫn giữ nguyên và tạo file mới với tên có thêm chữ copy phía sau

Chương trình chạy được và không thông báo gì hết

Ngoại lệ được tung ra trong lúc thực thi code

\*File cũ bị xóa đi và thay bằng file mới, file này rỗng

Để lấy đường dẫn tuyệt đối của một tập tin có kiểu dữ liệu là java.io.File ta sử dụng phương thức:

getRealPath()

getPath()

getRealAbsolutePath()

\*getAbsolutePath()

system.out là đối tượng của lớp?

\*PrintStream

BufferedWriter

PrintWriter

Scanner

Khi tạo đối tượng File như sau: File f = new File("Examples\someFile.txt"); kết quả sẽ là?

\*Đối tượng file được tạo ra, có đường dẫn cha là Example và con là someFile.txt, không có tạo ra tập tin hay thư mục nào cả

Nếu tập tin someFile.txt trong thư mục Examples chưa có thì chương trình sẽ tạo ra tập tin rỗng với tên là SomeFile.txt

Chương trình sẽ tự động tạo tập tin someFile.txt trong thư mục Examples

Chương trình sẽ tự động tạo tập tin someFile.txt và thư mục Examples(nếu chưa tồn tại)

Để vừa có thể đọc và ghi dữ liệu ở vị trí tùy ý trong file, sử dụng mode nào sau đây của RandomAccessFile?

rwe

r

\*rw

w

Stream nào sau đây giúp cải thiện quá trình đọc dữ liệu?

ByteArrayInputStream

PipedInputStream

BufferedReader

\*BufferedInputStream